

**Bản án số: 44 /2021/HS-ST  
Ngày 19 - 5 - 2021**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ UÔNG BÍ - TỈNH QUẢNG NINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**  
*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Lương Thanh Thúy  
*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Thái Quang Định  
Ông Nguyễn Tiến Tập  
**-Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Văn Thắng - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.  
**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh tham gia phiên tòa:** Ông Bùi Đình Thi - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 41/2021/TLST-HS ngày 12 tháng 4 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 44 ngày 05 tháng 5 năm 2021, đối với các bị cáo:

1.Họ và tên: **Phạm Ngọc D**, sinh ngày 10 tháng 10 năm 1981 tại Đ, Quảng Ninh; nơi cư trú: thôn Đ, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn N và con bà Phạm Thị N; có vợ là Lê Thị L (đã chết) và có 01 con sinh năm 2007.

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 130 ngày 29/12/2016, bị Tòa án nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”; chấp hành xong hình phạt tù ngày 09/02/2018. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 42 ngày 18/6/2019, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/6/2020.

Tiền sự: không;

Nhân thân: Từ năm 2007 đến năm 2015, hoàn thành 03 chương trình cai nghiện ma túy từ 12/01/2007 đến 11/12/2008, từ 15/4/2011 đến 14/3/2013 và từ 17/9/2013 đến 17/9/2015 tại Trung tâm Giáo dục lao động xã hội tỉnh Quảng Ninh;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/01/2021 và tạm giam từ ngày 01/02/2021, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí; có mặt.

2. Họ và tên: **Đặng Văn N**, sinh ngày 01 tháng 01 năm 1967 tại Đông T, Quảng Ninh; nơi cư trú: khu Y, phường Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 7/10; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Văn M (đã chết) và con bà Nguyễn Thị N (đã chết); có vợ đã ly hôn là Bùi Thị K và có 01 con sinh năm 1992;

Tiền án: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 03 ngày 28/01/2003, Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 30 tháng tù về tội “Cố ý gây thương tích”; ngày 13/11/2005, chấp hành xong hình phạt tù (thi hành xong án phí ngày 10/5/2011). Tại bản án hình sự số 76 ngày 23/12/2010, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy; ngày 29/01/2019, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù (ngày 09/10/2013, bị cáo thi hành xong án phí)

Tiền sự: không;

Nhân thân: Ngày 25/12/1987, bị Tòa án nhân dân thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 18 tháng tù về tội “Cưỡng đoạt tài sản” và “Trộm cắp tài sản”. Ngày 21/3/1990, bị Tòa án nhân dân tỉnh Q xử phạt 12 tháng tù về tội “Trốn khỏi nơi giam giữ” (tổng hợp hình phạt, bị cáo phải chịu mức hình phạt 30 tháng tù). Ngày 13/10/1992, bị Tòa án nhân dân tỉnh Q, xử phạt 12 năm tù về tội “Cướp tài sản công dân” và ngày 12/01/1993, Tòa phúc thẩm Tối cao xử y án, ngày 28/4/2001 bị cáo chấp hành xong án phạt tù;

Bị cáo bị tạm giữ ngày 25/01/2021 và bị tạm giam ngày 01/02/2021, hiện tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- **Bị hại:** Ông Hoàng Văn X, sinh năm 1956.

Địa chỉ: Tổ 13, khu 02, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; có mặt

Ông Hoàng Văn X đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bị hại - bà Phạm Thị L, sinh năm 1957 (vợ ông X). Địa chỉ: Tổ 13, khu 02, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh; theo văn bản ủy quyền ngày 26/01/2021.

- **Người làm chứng:** Anh Hoàng Thanh H và anh Lê Văn H; vắng mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:**

Bị cáo Phạm Ngọc D và bị cáo Đặng Văn N là bạn nghiện chất ma túy. Khoảng 12 giờ ngày 25/01/2021, Năm điều khiển xe mô tô Yamaha Jupiter, biển kiểm soát (BKS): 98L3-6454 đến nhà D ở thôn Đ, xã Y, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh chơi. Tại đây, D nảy sinh ý định và rủ N đi trộm cắp tài sản để bán lấy tiền ăn tiêu, N đồng ý. Năm điều khiển xe mô tô Yamaha Jupiter, BKS: 98L3-6454 chở D đi theo quốc lộ 18A, theo hướng thị xã Đông Triều- thành phố Hạ Long mục đích phát hiện ở đâu có sở hữu thì trộm cắp tài sản.

Khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, khi cả hai đi đến khu vực bãi gỗ thuộc tổ 13, khu 2, Phường T, thành phố U, thì D bảo N dừng lại để D đi vệ sinh, rồi D đi vào một ngõ nhỏ, cạnh đường Quốc lộ 18A và nhìn thấy một nhà kho cửa đang khóa (cửa gia đình ông Hoàng Văn X). D tiến lại gần nhìn qua khe cửa thấy có nhiều đồ vật bằng kim loại có giá trị, không có ai trông coi nên đã có ý định trộm cắp. D để N đứng ở ngoài trông xe, còn D thò tay qua khe cửa nhà kho lấy được 01 thanh sắt dài

khoảng 55cm, đường kính 1,8cm. D dùng thanh sắt phá khoá vào trong kho và trộm cắp được 01 động cơ tu bơm tăng áp ô tô cũ; 01 kích thuỷ lực cũ, cao khoảng 25cm; 01 giằng cầu xe ô tô cũ dài khoảng 76cm và 01 đoạn dây hàn đã qua sử dụng dài khoảng 13,4m, đường kính 1,6cm. Sau đó, D cho cho tất cả tài sản trên vào 01 bao dứa màu xanh nhạt được gắn đó mang ra khỏi cửa. D gọi N dắt xe mô tô vào gần kho để D bê các đồ trộm cắp được lên xe mô tô. Khi cả 02 vừa ngồi lên xe để chở tài sản trộm cắp được đi tiêu thụ, thì bị ông Hoàng Văn X và con trai là anh Hoàng Thanh H tri hô, cùng hàng xóm là anh Lê Văn H bắt quả tang, đưa đến trụ sở Công an phường T, thành phố U trình báo.

Cơ quan điều tra đã thu giữ toàn bộ số tài sản D và N đã trộm cắp. Ngoài ra còn thu giữ của D 01 điện thoại Nokia, bên trong lắp sim số: 0345.105.423, của N 01 điện thoại Phillip lắp sim số 0334.470.121 và 01 xe mô tô BKS: 98L3-6454.

Tại bản định giá tài sản số 03/KL-HĐĐGTS ngày 28/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Uỷ ban nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh kết luận: 01 động cơ tăng áp cũ, không ghi nhãn hiệu, đã qua sử dụng trị giá: 1.733.333 đồng; 01 máy kích thuỷ lực 32 tấn, đã qua sử dụng trị giá: 453.333 đồng; 01 giằng cầu xe ô tô tải, dài 76cm, mỗi đầu có 01 trục tròn đường kính 12cm đã qua sử dụng trị giá: 383.333 đồng; 01 đoạn dây hàn phi 16, dài 13,4m đã qua sử dụng trị giá: 103.333 đồng và 01 thanh sắt xoắn cũ phi 18, dài 55cm trị giá: 9.667 đồng; Tổng trị giá tài sản định giá là: **2.683.000 đồng**.

Tại bản Cáo trạng số 47/CT – VKSUB ngày 12 - 4 - 2021, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí đã truy tố bị cáo Phạm Ngọc D và bị cáo Trần Văn N về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

#### **Tại phiên tòa:**

Quá trình xét hỏi tại phiên tòa, lúc đầu bị cáo Phạm Ngọc D và bị cáo Đặng Văn N đều có lời khai mâu thuẫn với lời khai của hai bị cáo trong giai đoạn điều tra, truy tố. Tuy nhiên, sau khi Hội đồng xét xử và đại diện Viện kiểm sát công bố lời khai của các bị cáo trong giai đoạn điều tra thì hai bị cáo đều khẳng định các lời khai này là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc và thừa nhận toàn bộ hành vi trộm cắp tài sản như tóm tắt nội dung vụ án đã nêu, Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh truy tố các bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*”, theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội.

Bị hại ông Hoàng Văn X trình bày: vào khoảng 13 giờ ngày 25/01/2021, khi bị cáo D và bị cáo N vừa ngồi lên xe mô tô để chở tài sản trộm cắp được tại nhà kho của gia đình ông X đi tiêu thụ, thì bị ông và con trai là anh Hoàng Thanh H, cùng với hàng xóm là anh Lê Văn H bắt quả tang. Quá trình điều tra gia đình ông đã nhận lại toàn bộ tài sản bị trộm cắp nên ông không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm. Về phần hình phạt, ông X đề nghị xin được giảm nhẹ hình phạt cho hai bị cáo để các bị cáo sớm có cơ hội chăm lo cho gia đình, con cái.

Những người làm chứng anh Hoàng Thanh H và anh Lê Văn H vắng mặt tại phiên tòa nhưng có lời khai thể hiện trong hồ sơ về thời gian, địa điểm và đối tượng có hành vi trộm cắp tài sản (từ bút lục 59 đến bút lục 64).

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quyết định truy tố như Cáo trạng đã nêu và đề nghị Hội đồng xét xử:

*Về hình phạt chính:* Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Phạm Ngọc D với mức hình phạt từ 36 tháng tù đến 42 tháng tù và bị cáo Đặng Văn N với mức hình phạt từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”.

*Về hình phạt bổ sung:* không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

*Về xử lý vật chứng:* cơ quan điều tra đã xử lý nên không đề cập giải quyết.

*Về trách nhiệm dân sự:* không có yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

***Các bị cáo và bị hại không tranh luận với lời luận tội của Viện kiểm sát. Tại lời nói sau cùng, bị cáo nhận thức được hành vi phạm tội và xin được giảm nhẹ hình phạt.***

## **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

***Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:***

**[1] Về chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng:** Những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Uông Bí, của Điều tra viên, của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Uông Bí, của Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các chứng cứ, tài liệu và hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

### **[2] Về tội danh và hình phạt:**

#### **2.1. Về tội danh:**

Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, những người làm chứng, biên bản tiếp nhận người phạm tội quả tang, biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, bản ảnh vật chứng, bản ảnh tang vật, kết luận giám định, định giá tài sản và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án nên Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 25/01/2021, tại nhà kho của gia đình ông Hoàng Văn X thuộc tổ 13, khu 2, phường T, thành phố U, tỉnh Quảng Ninh, bị cáo Phạm Ngọc D và bị cáo Đặng Văn N đã có hành vi trộm cắp của ông Hoàng Văn X và bà Phạm Thị L: 01 động cơ tăng áp cũ, không ghi nhãn hiệu, trị giá: 1.733.333 đồng; 01 máy kích thủy lực 32 tấn, đã qua sử dụng trị giá: 453.333 đồng; 01 giằng cầu xe ô tô tải, dài 76cm, mỗi đầu có 01 trục tròn đường kính 12cm đã qua sử dụng trị giá: 383.333 đồng; 01 đoạn dây hàn phi 16, dài 13,4m đã qua sử dụng trị giá: 103.333 đồng và 01 thanh sắt xoắn cũ phi 18, dài 55cm trị giá: 9.667 đồng. Tổng trị giá tài sản D và N trộm cắp là: **2.683.000 đồng**. Hành vi của các bị cáo đã bị gia đình ông Hoàng Văn X cùng hàng xóm bắt quả tang và trình báo đến Công an phường T, thành phố U.

Bị cáo Phạm Ngọc D và Đặng Văn N có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi do lỗi cố ý; lén lút, lợi dụng sự sơ hở của người quản lý tài sản để thực

hiện hành vi trộm cắp. Hành vi của các bị trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân là khách thể được pháp luật bảo vệ. Mặc dù, tài sản mà các bị cáo trộm cắp có giá trị dưới 50.000.000đồng nhưng cả hai bị cáo đều có tiền án thuộc trường hợp tái phạm nên lần phạm tội này xác định là tái phạm nguy hiểm – tình tiết định khung hình phạt. Do đó, hành vi của các bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát nhân dân thành phố U, tỉnh Quảng Ninh truy tố là đúng người, đúng tội, có căn cứ pháp luật.

## **2.2. Về hình phạt chính:**

- *Xét về tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội:* Các bị cáo có nhân thân xấu, đã từng phải chấp hành hình phạt tù về những hành vi vi phạm pháp luật nhưng không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân, sau khi được trở về hòa nhập với cộng đồng lại tiếp tục phạm tội mới, thể hiện sự bất chấp, coi thường pháp luật. Vì vậy, cần phải có hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo.

- *Đánh giá về mức độ và vai trò tội phạm:* Đây là vụ án đồng phạm giản đơn vì khi thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo không có sự bàn bạc, cấu kết chặt chẽ và phân công thực hiện cụ thể. Trong đó: Bị cáo D là người khởi xướng và cũng là người trực tiếp thực hành tội phạm, thể hiện qua việc khi bị cáo N đến chơi thì bị cáo D đã nảy sinh ý định và rủ bị cáo N đi trộm cắp tài sản. Trên đường đi bị cáo D phát hiện ra nhà kho của gia đình ông Hoàng Văn X chứa đồ vật có giá trị, không có người trông coi và đã một mình phá khóa vào trộm cắp tài sản. Bị cáo N là người tiếp nhận ý chí từ bị cáo D với vai trò giúp sức thể hiện qua việc dùng xe mô tô chở bị cáo D tìm kiếm nơi có tài sản để trộm cắp và cùng với D chở tài sản mà D trộm cắp được để đi tiêu thụ. Vì vậy, qua đánh giá thấy rằng bị cáo D giữ vai trò chính trong vụ án và phải chịu hình phạt cao hơn bị cáo N.

- *Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:* Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, được bị hại đề nghị xin giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 điều 51 Bộ luật Hình sự.

Từ phân tích, đánh giá trên thấy rằng: Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, nguy hiểm lớn cho xã hội. Mặc dù, có xem xét chiều cố nhưng cần phải có hình phạt tù, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, đủ để cải tạo riêng đối với các bị cáo, cũng như để ngăn ngừa tội phạm chung.

**2.3 Về hình phạt bổ sung:** Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 thì người phạm tội có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đồng (năm triệu đồng) đến 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng). Tuy nhiên, xét thấy cả hai bị cáo đều không có việc làm, thu nhập ổn định nên miễn hình phạt bổ sung cho hai bị cáo.

**[4] Về trách nhiệm dân sự:** Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu gì về phần dân sự nên không đề cập giải quyết.

**[5] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:** 01 động cơ tăng áp cũ, 01 máy kích thủy lực, 01 giằng cầu xe ô tô tải, 01 đoạn dây hàn và 01 thanh sắt xoắn cũ là tài sản sở hữu của ông Hoàng Văn X, Cơ quan điều tra đã trả lại cho ông X và 02 chiếc điện thoại cùng sim liên lạc thu giữ của các bị cáo, không liên quan đến hành vi phạm

tội, Cơ quan điều tra đã trả lại cho đại diện gia đình quản lý nên không đề cập giải quyết. Đối với 01 xe mô tô Yamaha Jupiter BKS: 98L3-6454, quá trình điều tra chưa xác minh được chủ sở hữu, Cơ quan điều tra đã tách ra, làm rõ xử lý sau nên không đề cập giải quyết.

**[6] Về nghĩa vụ chịu án phí:** Mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**[7] Về quyền kháng cáo:** Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **1. Về tội danh và hình phạt:**

Căn cứ: điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự

Tuyên bố: Bị cáo Phạm Ngọc D và bị cáo Đặng Văn N phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Phạm Ngọc D **33 (ba mươi ba) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/01/2021

Xử phạt: Bị cáo Đặng Văn N **30 (ba mươi) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 25/01/2021.

**2. Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, danh mục án phí Tòa án của Nghị quyết số 326 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Phạm Ngọc D và Đặng Văn N, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm vào ngân sách Nhà nước.

**3. Quyền kháng cáo:** Căn cứ Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Các bị cáo, bị hại và đại diện theo ủy quyền của bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

### **Nơi nhận:**

- Bị cáo, bị hại;
- VKSND, CA Tp. Uông Bí;
- Chi cục THADS Tp. Uông Bí;
- Cơ quan THAHS CA Tp. Uông Bí;
- Nhà tạm giữ CA Tp. Uông Bí;
- TAND, VKSND, Sở TP tỉnh QN;
- Lưu hồ sơ, VP./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lương Thanh Thúy**



